

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM
PVCOMBANK FUND MANAGEMENT JSC.**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

THÁNG 4/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----****-----

**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM**

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp 2020**") và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ vào Luật số 03/2022/QH15 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương pháp đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ("**Luật số 03/2022/QH15**").
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Các quy định áp dụng khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA**

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1 Định nghĩa

Các thuật ngữ được viết hoa dùng trong Điều lệ này được định nghĩa tại Phụ lục 1 trừ khi văn cảnh của một quy định cụ thể trong Điều lệ yêu cầu phải hiểu khác.

1.2 Giải thích

- (a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này là một phần của Điều lệ và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như thể được quy định tại phần nội dung của Điều lệ.
- (b) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, khi được viện dẫn đến trong Điều lệ này:
 - (i) Các Điều hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này;
 - (ii) Các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản pháp luật sẽ hiểu là viện dẫn đến các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản đó cho dù các văn bản hoặc điều khoản này có thể được điều chỉnh, mở rộng, kết hợp với văn bản khác, ban hành lại hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Điều lệ này có hiệu lực) và các quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản kể trên.
 - (c) Các tiêu đề chỉ được dùng để trình bày nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 2. THÀNH LẬP CÔNG TY

2.1. Thành lập Công ty

- (a) Các Cổ đông Sáng lập cùng đồng ý thành lập Công ty theo những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
- (b) Bất kỳ Cổ đông mới nào tham gia góp vốn vào Công ty sau này đều phải chịu sự ràng buộc của các điều khoản trong Điều lệ này một cách vô điều kiện và không hủy ngang.

2.2. Tên và Trụ sở của Công ty

- (a) Tên tiếng Việt của Công ty là:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM**

- (b) Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là:

PVCOMBANK FUND MANAGEMENT JSC.

- (c) Tên viết tắt của Công ty là: **PVCB Capital**
- (d) Trụ sở đăng ký chính thức của Công ty ban đầu đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Trung Tâm Thương Mại Văn Hồ, số 51 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
- (e) Trụ sở hiện nay của Công ty đặt tại Tầng 9, Tòa nhà HAPRO BUILDING, số 11B Cát Linh, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.
- (f) Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền chuyển trụ sở hoặc mở/đóng văn phòng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các địa điểm khác của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nơi khác sau khi có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp pháp luật có quy định việc chuyển trụ sở, mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty cần có sự phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước, việc thực hiện sẽ có hiệu lực sau khi công ty nhận được sự chấp thuận này.
- (g) Điện thoại : +84-24-39747088
Fax : +84-24-39747014

ĐIỀU 3. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trừ khi bị chấm dứt theo quy định tại Điều 51.1, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

ĐIỀU 4. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

4.1. Công ty cổ phần

Công ty được thành lập là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và chịu trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

4.2. Trách nhiệm hữu hạn

- (a) Công ty sẽ chỉ có trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản chấp thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với

bất kỳ Cổ đông nào. Không một bên thứ ba nào, kể cả Cơ quan Nhà nước nào, có thể yêu cầu các Cổ đông phải thanh toán các khoản nợ của Công ty.

(b) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà Cổ đông này có quyền mua, các Cổ đông khác sẽ không có nghĩa vụ phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải thay mặt Công ty cấp thêm vốn thay cho Cổ đông đó dưới bất kỳ hình thức nào.

(c) Công ty, với tư cách là một pháp nhân độc lập, sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với các khoản nợ hay bất kỳ trách nhiệm nào khác của bất kỳ Cổ đông nào.

ĐIỀU 5. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

5.1. Mục tiêu

Công ty được thành lập với mục tiêu tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật nhằm thu lợi nhuận cho các Cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

5.2. Ngành nghề kinh doanh

Trong phạm vi mà Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có ngành, nghề kinh doanh chính như sau:

- (a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (quỹ đại chúng, quỹ thành viên và các loại quỹ khác theo quy định của Pháp luật), bao gồm cả quỹ trong nước và quỹ nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt nam.
- (b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- (c) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- (d) Thực hiện các hoạt động khác mà pháp luật cho phép.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.

2. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.

3. Khi quản lý tài sản ủy thác, công ty phải:

- a) Ký hợp đồng lưu ký hoặc giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng ủy thác, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; phải cung cấp

đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi; lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác; công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng, chứng từ giao dịch hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

c) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác.

d) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;

đ) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý mỗi quỹ, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phải sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.

4. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Trường hợp công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:

a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của công ty. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, công ty quản lý quỹ phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, công ty quản lý quỹ phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định;

b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác; Trường hợp công ty quản lý quỹ biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, công ty quản lý quỹ không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;

c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

5. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

c) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 12 Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 và các quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng Ủy thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho khách hàng ủy thác.

Công ty phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.

8. Công ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Công ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phát sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phát sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phát sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động công ty.

9. Công ty phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của công ty, loại hình quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và đối tượng khách hàng mà mình đang quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của khách hàng ủy thác, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

10. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

11. Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Công ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

13. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật

thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.

a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

b) Công ty, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty, đại lý phân phối thông qua công ty phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

14. Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.

15. Công ty khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.

16. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, công ty bảo đảm:

a) Đối với các tổ chức là quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó; và

- Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 tỷ đồng;

b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

17. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp

cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

18. Công ty phải bảo đảm:

a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

19. Trong hoạt động kinh doanh, công ty bảo đảm:

a) Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;

b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của công ty cho người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của pháp luật;

d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch (nếu có) giữa công ty với những người có liên quan của công ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, công ty có thể cho thuê lại;

e) Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các hạng mục đầu tư này.

f) Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty quản lý quỹ khác tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập; hoặc

- Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

g) Công ty và người có liên quan (ngoại trừ người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ

phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

19. Khi quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, công ty phải bảo đảm:

a) Chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;

b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;

c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;

d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;

đ) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;

e) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;

g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

20. Trong hoạt động báo cáo sơ hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty có trách nhiệm:

a) Công ty, cùng với các khách hàng ủy thác, tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sơ hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sơ hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người có liên quan của người nội bộ, người nội bộ;

b) Nghĩa vụ báo cáo sơ hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:

- Sở cổ phiếu do công ty (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sơ hữu đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục;

- Công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu;

- Nghĩa vụ báo cáo sơ hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sơ hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

21. Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu các nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

22. Công ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

23. Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 19 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

a) Công ty được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

b) Trường hợp danh mục đầu tư của công ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, công ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

24. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

25. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

ĐIỀU 7. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Công ty không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty, người có liên quan của công ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

3. Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác hoặc bán cho danh mục của khách hàng ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

5. Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, công ty bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;

b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác trong hoạt động quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp;

d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác.

đ) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

7. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

8. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

9. Ngoại trừ quỹ mở, công ty được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:

a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

ĐIỀU 8. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

8.1. Quyền của Người đại diện theo pháp luật của công ty:

- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc công ty.
- Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên

đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền hạn và trách nhiệm trong việc đại diện cho công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ này.

8.2. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của công ty:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

ĐIỀU 9. VỐN ĐIỀU LỆ

9.1. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ ban đầu của Công ty là 100.000.000.000 (một trăm tỷ) Đồng. Vốn Điều lệ sẽ tự động được điều chỉnh tương ứng với số Cổ phần được phát hành thêm vào từng thời điểm. Trong trường hợp có tăng giảm Vốn Điều lệ, mức Vốn Điều lệ thực tế sẽ được xác định theo Sổ đăng ký Cổ đông.

9.2. Các nguồn vốn khác

Ngoài Vốn Điều lệ quy định tại Điều 9.1, Công ty có thể huy động vốn thông qua các hình thức:

(a) Phát hành Cổ phiếu mới (ở trong và ngoài nước) theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan;

(b) Huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp với các quy định của Pháp luật đối với công ty quản lý quỹ.

9.3. Sử dụng Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác nếu được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông, hoặc trong một số trường hợp thích hợp, bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Điều lệ này, các quy chế hoạt động nội bộ của Công ty hoặc quy định của Pháp luật khi Điều lệ này hay các quy chế hoạt động nội bộ của Công ty không điều chỉnh.

9.4. Tăng Vốn Điều lệ

(a) Đại hội đồng Cổ đông quyết định phát hành thêm Cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. Trừ khi có quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, hoặc trái phiếu thì:

(i) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

(ii) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

(iii) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

(iv) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

(v) Nếu số lượng cổ phần dự định phát hành thêm không được phát hành hết sau khi đã được chào bán theo khoản (iv) kể trên, Đại hội đồng Cổ Đông có thể lựa chọn chào bán lại số cổ phần đó theo mức giá và/hoặc các điều kiện ưu đãi hơn theo các thủ tục như đã nêu trong điều này.

(b) Căn cứ vào quy định tại Điều 9.4 (a) trên đây, Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

Trong trường hợp Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá thị trường của mỗi Cổ phần phải được Hội đồng Quản trị xác định một cách trung thực, sau khi đã tham khảo giá thị trường chứng khoán không tập trung (Over the Counter - OTC) và/hoặc các ý kiến chuyên môn thích hợp.

(c) Trong trường hợp Công ty tăng Vốn Điều lệ thông qua việc phát hành Cổ phiếu ra công chúng để niêm yết tại Thị trường Chứng khoán, Công ty phải được phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nếu Pháp luật có yêu cầu, và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có hiệu lực vào thời

11/01/2023 10:00 AM

điểm niêm yết. Công ty sẽ thuê các Công ty chứng khoán, luật sư, và công ty kiểm toán có uy tín để tư vấn và lập kế hoạch phát hành cũng như chuẩn bị các tài liệu và giấy tờ cần thiết cho việc phát hành. Việc phát hành có thể được thực hiện thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành uy tín. Việc lựa chọn công ty chứng khoán, luật sư, công ty kiểm toán và nhà bảo lãnh phát hành sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định bằng Đa số phiếu thường. Công ty, tất cả các Cổ đông, các Cán bộ Quản lý và tất cả các nhân viên của Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cung cấp thông tin, và hoạt động lành mạnh và minh bạch, cũng như bất kỳ yêu cầu nào khác của Pháp luật chứng khoán. Nghiêm cấm mọi hành vi bán khống, mua bán nội gián, thông tin sai sự thật, và lũng đoạn thị trường cũng như các hoạt động bất hợp pháp khác liên quan đến giao dịch chứng khoán.

(d) Việc phát hành thêm Cổ phiếu phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác. Trong trường hợp niêm yết Cổ phần, các quy định của Pháp luật chứng khoán phải được tuân thủ, bao gồm, nhưng không hạn chế, các quy định liên quan đến đăng ký niêm yết, thầu tóm và sáp nhập.

9.5. Giảm Vốn Điều lệ

Thông qua việc biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông, có thể quyết định về phương thức, số tiền và thời điểm giảm Vốn Điều lệ (bao gồm cả việc mua lại Cổ phiếu từ Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty) và việc giảm vốn Điều lệ này phải tuân theo các điều kiện do Pháp luật quy định.

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

10.1. Mệnh giá Cổ phần

Mệnh giá của mỗi Cổ phần sẽ là 10.000 đồng (mười ngàn) đồng chẵn. Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định việc chia tách giá trị Cổ phần. Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mệnh giá của mỗi cổ phần sẽ tuân theo quy định của luật chứng khoán và/hoặc của trung tâm hay sở giao dịch chứng khoán có liên quan.

10.2. Các loại Cổ phần và số lượng Cổ phần

Công ty có tổng cộng 10.000.000 Cổ phần Phổ thông. Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật.

10.3. Quyền Biểu quyết của Cổ phần

Mỗi Cổ phần Phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một lá phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

10.4. Cổ phần của Cổ đông Sáng lập

(a) Trừ khi Pháp luật quy định khác, trong suốt ba năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép hoạt động, các Cổ đông Sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số Cổ phần Phổ thông đã phát hành.

(b) Các Cổ đông sáng lập công ty quản lý quỹ không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong công ty hoặc chuyển nhượng cho người không phải Cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

(c) Trong thời hạn ba năm nêu trên, nếu một Cổ đông Sáng lập chuyển nhượng toàn bộ hay một phần số Cổ phần Phổ thông nêu trên của họ, các Cổ đông Sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua số Cổ phần chào bán của Cổ đông Sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Vốn Điều Lệ mà họ thực tế nắm giữ vào thời điểm mua như được xác định theo Sổ đăng ký Cổ đông.

10.5. Thanh toán Mua Cổ phần

(a) Vốn Điều lệ ban đầu được góp như sau:

- Ngay sau khi có chấp thuận về mặt nguyên tắc của Cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập công ty, các cổ đông sáng lập sẽ lập tức góp 100% Vốn Điều lệ tương đương 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng theo tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng bên vào một tài khoản Ngân hàng đứng tên chung nhằm mục đích chứng minh vốn pháp định của Công ty cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh (trong đó 95% vốn điều lệ được phong tỏa, 5% vốn điều lệ còn lại sẽ được sử dụng để mua sắm trang thiết bị và các công việc khác phục vụ cho việc thành lập Công ty).

Đối với việc góp vốn trong các trường hợp khác, thời hạn góp vốn sẽ tuân theo quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty đối với lần phát hành cổ phần hay góp vốn có liên quan.

- Các chi phí liên quan đến việc thành lập Công ty do Cổ đông sáng lập nào chi thì sẽ được tính vào phần vốn góp của cổ đông sáng lập đó và trừ vào phần vốn góp sau khi có sự nhất trí của các cổ đông sáng lập khác.

- Trong trường hợp góp vốn bằng tài sản vào Công ty, việc góp vốn phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật hiện hành.

(b) Trong trường hợp Pháp luật hoặc Đại hội đồng Cổ đông yêu cầu, việc thanh toán mua Cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:

- (i) Tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
- (ii) Tên và địa chỉ của Công ty;
- (iii) Mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
- (iv) Địa điểm và thời điểm giao tài sản.

Các Cổ đông sẽ ký tất cả các văn bản hoặc chứng thư và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng, để thực hiện việc chuyển nhượng một cách hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.

(c) Vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần phải:

- (i) Thuộc sở hữu hợp pháp của Cổ đông cho đến khi chuyển giao sang cho Công ty theo Điều này, hoặc đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước trước khi được góp vào Công ty thì việc góp vốn đó phải được sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có hiệu lực vào thời điểm góp vốn;
- (ii) Hoàn toàn không bị hạn chế về quyền sở hữu hay sử dụng sau khi đã góp vào Công ty;

(iii) Sau khi đã được góp vào Công Ty, hoàn toàn không liên quan đến lợi ích của người thứ ba khác dưới bất kỳ hình thức nào bao gồm các biện pháp cầm cố, thế chấp hay các hình thức bảo đảm khác cũng như không bị kèm theo các điều kiện hay quyền về khấu trừ, cưỡng chế tài sản của người thứ ba đó, kể cả khi người thứ ba đó là Cơ quan Nhà nước.

(d) Ngay sau khi vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, vốn và tài sản đó sẽ trở thành tài sản toàn quyền sở hữu của Công ty và không có Cổ đông nào còn có bất kỳ quyền lợi nào đối với tài sản này hoặc có quyền khiếu nại, tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản này.

(e) Cổ đông phải bảo vệ Công ty chống lại bất kỳ khiếu nại, khiếu tố hoặc yêu cầu đòi lại tài sản hoặc yêu cầu cưỡng chế hoặc khấu trừ tài sản của bất kỳ bên thứ ba nào và phải bồi hoàn cho Công ty bất kỳ chi phí hoặc tổn thất nào về mặt tài chính cũng như uy tín mà Công ty phải gánh chịu do hậu quả của những việc vừa nêu trong khoản này.

10.6. Gia hạn và Xử lý số Cổ phần không được thanh toán

Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quy định khác, nếu Cổ đông không góp vốn hoặc góp không đầy đủ phần vốn góp, việc xử lý như sau:

(a) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Công ty về việc góp vốn mà Cổ đông không thực hiện nghĩa vụ của mình thì Cổ đông đó sẽ đương nhiên bị rút tư cách Cổ đông khỏi Công ty. Các Cổ đông khác có quyền ưu tiên mua lại phần vốn góp của Cổ đông không hoàn thành nghĩa vụ theo tỷ lệ góp vốn tương ứng của mỗi Cổ đông hoặc Công ty có quyền huy động thêm vốn góp từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài nếu các Cổ đông trong Công ty không có khả năng hoặc không có nhu cầu mua lại phần vốn góp đó.

(b) Cũng trong thời hạn nêu trên, nếu bất cứ Cổ đông nào mới chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ góp vốn của mình thì các Cổ đông khác trong Công ty sẽ được quyền ưu tiên mua lại phần vốn góp còn thiếu đó theo tỷ lệ góp vốn tương ứng của mỗi Cổ đông, hoặc Công ty có quyền huy động thêm phần vốn góp bị thiếu từ một Cổ đông mới.

(c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thông báo bằng văn bản về các trường hợp vi phạm nghĩa vụ góp vốn nói trên cho Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

10.7. Sổ đăng ký cổ đông

(a) Công ty phải ban hành Sổ đăng ký cổ đông với các thông tin về cổ đông và việc sở hữu cổ phần theo như quy định của Điều 10.7(b).

(b) Hình thức của Sổ đăng ký cổ đông phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Trong phạm vi được Pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Hội đồng Quản trị, Sổ đăng ký cổ đông có thể bao gồm các thông tin dưới đây:

- Tên và trụ sở chính của Công ty;
- Tên Cổ đông, địa chỉ liên lạc, số giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông.

(c) Nếu Sổ đăng ký cổ đông bị rách nát, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, người đại diện theo pháp luật sẽ phát hành Sổ đăng ký cổ đông mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Sổ đăng ký cổ đông mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Sổ đăng ký cổ đông cũ bị rách nát, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất, phí tổn, và chi phí cho Công ty. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này, như là điều kiện để phát hành Sổ đăng ký cổ đông mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh.

10.8. Chuyển nhượng Cổ phần

(a) Cổ phần có thể được chuyển nhượng cho bất kỳ người nào theo quy định và thủ tục do Pháp luật và Điều lệ này quy định. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi nhận trong Sổ Đăng ký Cổ đông theo như quy định trong Điều 10 của Điều lệ này.

(b) Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần trong Sổ đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải nộp cho công ty đơn chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà công ty có thể yêu cầu một cách hợp lý. Đơn chuyển nhượng Cổ phần có thể lập theo hình thức thông thường hoặc có hình thức khác được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng hoặc đại diện của họ thực hiện.

(c) Công ty phải lưu giữ tất cả các đơn chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng các Cổ phần đã đăng ký.

(d) Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng có hình thức phù hợp như quy định của Điều này, người đại diện theo pháp luật phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu như việc chuyển nhượng không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này. Nếu người đại diện theo pháp luật từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian hai tuần kể từ ngày Công ty nhận được đơn chuyển nhượng.

(e) Việc chuyển nhượng Cổ phần tại thị trường chứng khoán sẽ được thực hiện theo Pháp luật về chứng khoán.

(f) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì công ty tiến hành sửa đổi Sổ đăng ký cổ đông ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10.9. Chuyển giao Cổ phần

(a) Nếu một Cổ đông qua đời, thì người sau sẽ được Công ty thừa nhận có tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với Cổ phần của Cổ đông đã qua đời (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):

- Người được thừa kế theo di chúc;
- Người được thừa kế theo pháp luật trong trường hợp Cổ đông không để lại di chúc hoặc di chúc không có hiệu lực pháp lý như được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc toà án tuyên;

- Người được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong trường Cổ đông qua đời nhưng không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hay nếu có nhưng người được thừa kế đó từ chối nhận số Cổ phần mà Cổ đông quá cố để lại; và
- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, đồng sở hữu hợp nhất còn sống trong trường Cổ phần được đồng sở hữu hợp nhất bởi những người này;

Với điều kiện bán thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền thừa hưởng hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông quá cố và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền thừa hưởng của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người thừa hưởng đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông quá cố để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền thừa hưởng số Cổ phần của Cổ đông quá cố, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của toà án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

(b) Đối với Cổ đông là pháp nhân chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức, Công ty sẽ thừa nhận những người sau là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông là pháp nhân đó nắm giữ (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):

- (i) Người mua hoặc được chuyển giao lại số Cổ phần đó dù là mua hay chuyển giao số Cổ phần đó một cách riêng rẽ hay gộp chung trong tổng tài sản thanh lý trong trường hợp Cổ đông đó thanh lý để giải thể hoặc phá sản hoặc trong trường hợp chia tách pháp nhân. Việc mua bán và chuyển giao Cổ phần phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ này về chuyển nhượng Cổ phần;
- (ii) Pháp nhân mới trong trường hợp hợp nhất pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là một bên được hợp nhất để tạo nên pháp nhân mới đó;
- (iii) Pháp nhân sáp nhập trong trường hợp sáp nhập pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là pháp nhân được sáp nhập; và
- (iv) Các đối tượng khác theo quy định của Pháp luật liên quan đến tái cơ cấu và tổ chức của một pháp nhân;

Với điều kiện bán thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền sở hữu hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông chấm dứt và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền sở hữu của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông chấm dứt để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền sở hữu số Cổ phần của Cổ đông chấm dứt, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của toà án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

(c) Bằng việc gia nhập Công ty với tư cách Cổ đông, mỗi Cổ đông thừa nhận và đồng ý một cách không huỷ ngang và vô điều kiện với các quy định về thừa kế Cổ phần hoặc sở hữu Cổ phần trong trường hợp Cổ đông qua đời hoặc chấm dứt hoạt động hay tái cơ cấu như quy định trong Điều lệ này.

(d) Một người hoặc một tổ chức có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ Cổ phần này qua đời hoặc bị chấm dứt hoạt động (trong trường hợp Cổ

đồng là pháp nhân) sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người/tổ chức này là Cổ đồng, trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại hội đồng Cổ đồng thì chỉ có được sau khi người/tổ chức này đã đăng ký thành Cổ đồng theo các quy định tại Điều lệ này.

(e) Cổ đồng có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đồng của công ty.

Người/tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp được quy định tại Khoản này chỉ trở thành cổ đồng của công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi vào Sổ đăng ký cổ đồng.

CHƯƠNG V - CỔ ĐỒNG

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐỒNG

11.1. Quyền của Cổ đồng

(a) Cổ đồng Phổ thông có các quyền sau:

- Tham dự Đại hội đồng Cổ đồng và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đồng;
- Bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nếu có đủ các điều kiện cần thiết theo quy định của Điều lệ;
- Được bổ nhiệm để giữ các Chức vụ Quản lý trong Công ty, nếu có đủ các điều kiện nắm giữ các chức danh đó theo quy định của Điều lệ này;
- Được nhận cổ tức tại thời điểm và với giá trị do Đại hội đồng Cổ đồng quyết định theo quy định của Điều lệ này;
- Được tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
- Được ưu tiên mua Cổ phần mới theo quy định của Điều lệ này;
- Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ và những người được ưu tiên thanh toán hơn theo quy định của Pháp luật và sau khi thanh toán cho các Cổ đồng ưu đãi (nếu có) phù hợp với quyền của Cổ đồng ưu đãi đó theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đồng;
- Tùy thuộc vào quy định tại các Điều 46, Điều 47 và Điều 48 được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty (ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 48.2);
- Xem các thông tin liên quan đến danh sách Cổ đồng có quyền dự Đại hội đồng Cổ đồng và quyền biểu quyết của các Cổ đồng này, và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- Được yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp do Pháp luật quy định hoặc các trường hợp khác được Hội đồng Quản trị chấp thuận với mức giá thỏa thuận hoặc mức giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản của Công ty; và
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

(b) Cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi mà Công ty có thể phát hành sau này sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Pháp luật mỗi khi Công ty phát hành loại cổ phần ưu đãi đó.

11.2. Nghĩa vụ của Cổ đông

(a) Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này, các quy định khác của Công ty, tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
- Giám sát và cho ý kiến về hoạt động của Công ty;
- Chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong phạm vi số Cổ phần đã góp;
- Bảo vệ danh dự, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
- Thanh toán tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; và
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

(b) Trong thời gian xây dựng và phát triển Công ty, Công ty có thể phải vay vốn để phục vụ cho đầu tư và kinh doanh, nếu các tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác yêu cầu các Cổ đông phải bảo lãnh khoản vay, nếu được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, các Cổ đông có trách nhiệm bảo lãnh các khoản vay đó theo tỷ lệ vốn góp của mình trong Vốn Điều lệ.

11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 11.4 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chủ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này.

11.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 11.3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

11.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 12. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định sửa đổi, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng Cổ đông;
- (b) Hội đồng Quản trị;
- (c) Ban Kiểm soát.

(d) Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác; và

ĐIỀU 13. QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(a) Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị được quy định theo Điều lệ này. Ngoài các quyền hạn nêu dưới đây, Đại hội đồng Cổ đông còn có thể ủy quyền một số quyền hạn của mình cho Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm.

(b) Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.

(c) Bên cạnh các quyền đã được quy định trong Điều lệ này hoặc theo Pháp luật và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Cổ đông trong Điều lệ này và Pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông có quyền bỏ phiếu chấp thuận đối với các vấn đề sau:

- Quyết định các loại Cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần, và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại;
- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn việc chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông Sáng lập trong vòng 3 (ba) năm đầu kể từ khi được cấp Giấy phép hoạt động;
- Quyết định mức Cổ tức mà Công ty chi trả;
- Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị đệ trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt;
- Xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;
- Quyết định tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này;
- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các Báo cáo Tài chính;
- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý);
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán;
- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định mua lại hơn 10% Cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đã phát hành;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Giao dịch với người có liên quan được đề cập tại Điều 38.1; và
- Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

ĐIỀU 14. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định, với điều kiện báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính liền kề đã được hoàn tất. Giám đốc chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Thường niên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng Cổ đông Thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần thiết và theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, được tham dự Cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

14.2. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Theo đề nghị của các kiểm toán viên độc lập (nếu xét thấy cần thiết);
- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý, nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn Điều lệ đã bị mất từ 15% trở lên;
- Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng đề nghị triệu tập họp bằng văn bản;
- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có căn cứ tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình gửi Hội đồng Quản trị, lý do, mục đích và các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm d khoản 14.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e và điểm f khoản 14.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định nêu trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định nêu trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

14.3. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 14.2 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

14.4. Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác đi, Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập bằng văn bản thông báo (fax, email hoặc thư) gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền bằng văn bản). Thông báo phải được lập thành văn bản và quy định rõ thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội, chương trình dự kiến và kèm theo tất cả các tài liệu cần thiết cho việc thảo luận trong Đại hội. Thông báo về Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

14.5. Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp, và, trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu Đại hội đồng Cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc hoãn Đại hội đồng Cổ đông và thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

14.6. Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất là trong vòng một (1) tháng sau ngày thành lập Công ty ghi trên Giấy phép hoạt động.

14.7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

14.8. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông bằng điện thoại với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

14.9. Thành viên Hội đồng Quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 15. SỐ ĐẠI BIỂU TỐI THIỂU CẦN CÓ CHO CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(a) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết.

(b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản (a) Điều này, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại, và được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết.

(c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản (b) Điều này, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại lần thứ hai, và được tổ chức lại trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ tổ chức Cuộc họp lần thứ hai và trong trường hợp này Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

ĐIỀU 16. THAY ĐỔI NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.

(b) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin; hoặc
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

ĐIỀU 17. NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(a) Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề của công ty bằng nghị quyết. Ngoại trừ trường hợp nêu tại khoản (b) Điều này và các trường hợp khác đã được quy định một cách cụ thể trong Điều lệ này, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp chấp thuận.

(b) Bên cạnh các trường hợp khác đã được quy định trong Điều lệ này, trong các trường hợp dưới đây, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết chấp thuận.

- Quyết định các loại cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại cổ phần, và số lượng cổ phần được phát hành đối với mỗi loại;
- Mọi sự sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên của Ban Kiểm soát;
- Tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
- Giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điều 38.1; và
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc

được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

(c) Khi Cổ đông tiến hành đăng ký tham dự Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

(d) Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không phải dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

(e) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ ủy quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của Cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đồng sở hữu Cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.

(f) Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết (hoặc đại diện được ủy quyền) đều nhất trí thông qua nghị quyết thì nghị quyết đó hợp lệ trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi thủ tục triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không được tiến hành phù hợp hoặc nội dung Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không được đưa vào chương trình họp theo quy định của Điều lệ này. Trong trường hợp như vậy các Cổ đông coi như đã đồng ý từ bỏ yêu cầu về thủ tục triệu tập họp hay về nội dung Cuộc họp.

(g) Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.

(h) Thủ tục phê chuẩn các nghị quyết dưới dạng văn bản không cần tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải tuân thủ Pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 18. NGHỊ QUYẾT BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA KHÔNG CẦN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(a) Mọi quyết định có thể được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng văn bản mà không cần tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông nếu các Cổ đông nắm giữ 65% tổng số phiếu biểu quyết phê chuẩn quyết định này bằng văn bản. Văn bản phê chuẩn này sẽ có hiệu lực tương đương với phiếu bầu tại Đại hội đồng Cổ đông. Văn bản phê chuẩn này cũng có thể bao gồm một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Cổ đông. Cụm từ "Bảng văn bản" ở đây bao gồm sự phê chuẩn bằng bản fax, với văn bản gốc sẽ phải được gửi ngay sau đó. Bản gốc này phải được Công ty lưu trữ và sẵn sàng cung cấp cho Cổ đông kiểm tra.

(b) Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.

(c) Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không cần tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 19. THÔNG TIN VỀ CÁC NGHỊ QUYẾT

(a) Các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản bằng tiếng Việt theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.

(b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông và các Cán bộ Quản lý chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

ĐIỀU 20. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

(a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; hoặc

(b) Nội dung của quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

ĐIỀU 21. NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

(a) Mỗi Cổ đông có quyền chỉ định người đại diện cho quyền lợi của mình. Cổ đông cá nhân có quyền chỉ định một người đại diện. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Việc chỉ định hoặc hủy bỏ người đại diện ủy quyền phải được lập thành văn bản gửi đến công ty, và sẽ có hiệu lực khi công ty nhận được văn bản này. Người đại diện ủy quyền được Cổ đông chỉ định không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác, và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được ủy quyền theo văn bản chỉ định đại diện ủy quyền. Người đại diện ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông.

(b) Việc chỉ định người đại diện ủy quyền không ảnh hưởng đến quyền của Cổ đông được trực tiếp tham dự và tham gia bỏ phiếu tại chính Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông mà Cổ đông đã có người đại diện ủy quyền. Trong trường hợp này, việc ủy quyền coi như đương nhiên chấm dứt và hoàn toàn không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên liên quan.

(c) Văn bản chỉ định người đại diện ủy quyền không nhất thiết phải tuân thủ theo một mẫu nhất định nào, miễn là nội dung của văn bản được trình bày rõ ràng và đảm bảo yêu cầu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
- (d) Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 22. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- (a) Trừ những quyền hạn và trách nhiệm thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ này hoặc quy định bởi Pháp luật, Hội đồng Quản trị sẽ có quyền và trách nhiệm quản lý các hoạt động của Công ty, và sẽ quyết định những vấn đề liên quan đến Công ty, bao gồm cả các vấn đề xác định trong khoản (b) dưới đây của Điều này.
- (b) Không giới hạn bởi quy định chung nêu trên, Hội đồng Quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- Giải quyết các khiếu nại đối với Công ty về Cán bộ Quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến Cán bộ Quản lý đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các cơ quan, đơn vị hoặc phòng ban của Công ty đã được quy định trong Điều lệ này;
- Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của Công ty; và
- Có các quyền hạn khác theo như quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, cũng như những quyền hạn khác được Pháp luật quy định.

ĐIỀU 23. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- (a) Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có từ ba (03) đến năm (05) Thành viên. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên sẽ được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 14.6.
- (b) Đại hội đồng Cổ đông cuối cùng trước khi kết thúc một nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị sẽ quyết định số Thành viên Hội đồng Quản trị khóa tiếp theo do các Cổ đông đề cử theo nguyên tắc sau:
- (i) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 10% đến dưới 30 % số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) Thành viên vào Hội đồng Quản trị;
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 30% đến dưới 50 % số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) Thành viên vào Hội đồng Quản trị;
 - (iii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 50% đến dưới 70 % số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) Thành viên vào Hội đồng Quản trị;
 - (iv) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 70% đến dưới 90 % số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) Thành viên vào Hội đồng Quản trị;
 - (v) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 90% đến dưới 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) Thành viên vào Hội đồng Quản trị;
 - (vi) Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn so với số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát hoặc cổ đông khác đề cử.
- (c) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị cần đáp ứng được những điều kiện sau:

- (i) Hội đủ những năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng cần thiết để thực thi các chức năng của một Thành viên Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức và điều hành Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (ii) Có sức khoẻ và đạo đức tốt; và
- (iii) Các điều kiện khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
 - (d) Một Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu:
 - (i) Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong khoản (c) nêu trên hoặc bị Pháp luật cấm không cho phép giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử Thành viên này không còn nắm giữ đủ số Cổ phần cần thiết để có thể đề cử Thành viên đó hoặc số lượng Thành viên như quy định tại khoản (b) của Điều này; hoặc
 - (iii) Thành viên này bị phá sản; hoặc
 - (iv) Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự; hoặc
 - (v) Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty; hoặc
 - (vi) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong hai (02) kỳ họp mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
- (vii) Thành viên đó vi phạm kỷ luật bị cách chức hoặc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
 - (e) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý bao gồm tiền đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác phát sinh do việc tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức các khoản chi phí như các khoản phụ cấp, công tác phí, đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
 - (f) Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho các Cán bộ Quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác.
 - (g) Các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là Thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi Thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 - (h) Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị), hoặc Thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quyết định của Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - (i) Không một Thành viên Hội đồng Quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp

được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc bởi nghị quyết của Hội đồng Quản trị được triệu tập hợp lệ hoặc bởi nghị quyết bằng văn bản theo Điều 28.

(j) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(k) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty.

ĐIỀU 24. NHIỆM KỶ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(a) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ tiếp theo.

(b) Hội đồng Quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một Thành viên mới để thay thế Thành viên cũ không còn tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên mới phải được Đại hội đồng Cổ đông của kỳ họp ngay sau đó chấp thuận. Việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm.

ĐIỀU 25. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(a) Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một trong các Thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

(b) Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nhưng nếu chức Chủ tịch bị khuyết, hoặc Chủ tịch không có mặt thì người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền sẽ điều hành.

(c) Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc không có người được ủy quyền theo quy định tại Khoản b trên hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trời khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

(d) Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này và quy định bởi Pháp luật.

ĐIỀU 26. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(a) Các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là một lần. Chủ tịch có thể triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo yêu cầu của những người sau đây:

- Hai Thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Trưởng ban hoặc đa số Thành viên Ban Kiểm soát; và
- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

(b) Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

- (c) Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người được đề cập tại khoản (a) của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- (d) Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi Thành viên tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Tuy nhiên nếu quá nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các Thành viên trên đã nhất trí. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải xác định rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết. Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập Cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.
- (e) Khi được yêu cầu, các Cán bộ Quản lý hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị tất cả các thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến Cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- (f) Cuộc họp Hội đồng Quản trị lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất bảy (7) ngày sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất (được tổ chức theo Điều 14.6).
- (g) Thông thường các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở Công ty nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
- (h) Số thành viên tham dự để tiến hành họp Hội đồng Quản trị là ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- (i) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi Thành viên này có thể nghe rõ các Thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các Thành viên có mặt cũng nghe rõ Thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- (j) Nếu một Thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể ủy quyền bằng văn bản một người đại diện cho mình (có thể là một Thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc không) để tham dự họp và đại diện thay cho mình trong cuộc họp. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một Cuộc họp Hội đồng Quản trị nhất định hoặc bất kỳ Cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của Thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại văn phòng trước khi bắt đầu Cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi Thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một Thành viên Hội đồng Quản trị.
- (k) Bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào cũng có thể yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các Cán bộ Quản lý, hoặc bất cứ người nào trong số họ tham dự họp Hội đồng Quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng Quản trị về tất cả các vấn đề liên quan

đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm hoặc kiến thức, kỹ năng của họ.

(l) Trong trường hợp cần thiết, các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể cho phép người khác tham dự Cuộc họp để cố vấn và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị.

(m) Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt. Chủ tọa và người ghi Biên bản họp phải ký vào Biên bản họp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi Biên bản họp từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 thì Biên bản vẫn có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 27. BIỂU QUYẾT TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong mỗi Cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi Thành viên sẽ có một phiếu bầu. Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 22 và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, hoặc của Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng Quản trị theo từng thời điểm. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 28. NGHỊ QUYẾT BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA KHÔNG CẦN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(a) Theo yêu cầu của bất kỳ một Thành viên nào, Hội đồng Quản trị có thể thông qua quyết định bất kỳ mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như được sự chấp thuận bằng văn bản của số Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp có triệu tập cuộc họp đúng thể thức và phù hợp với bản Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng để các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

CHƯƠNG VIII BAN ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 29. TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH

(a) Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị lãnh đạo. Công ty sẽ có Giám đốc, một số Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và một số Cán bộ Quản lý khác, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

(b) Công ty sẽ bổ nhiệm một số lượng nhất định các Cán bộ Quản lý cần thiết và thích hợp để quản lý các lĩnh vực khác nhau trong Công ty. Cán bộ Quản lý được bổ nhiệm phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của Công ty.

ĐIỀU 30. GIÁM ĐỐC

(a) Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (5) năm và Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

(b) Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải là người có kiến thức, có năng lực, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe, phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật và thỏa mãn các điều kiện khác mà pháp luật có thể quy định vào từng thời điểm. Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.

(c) Nghĩa vụ của Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

(d) Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm của Giám đốc và giao một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

(e) Thay mặt cho Công ty, Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- Quyết định, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác của công ty với tư cách là Người đại diện theo pháp luật trên cơ sở sự phê duyệt của Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị (nếu có), theo quy định tại Điều lệ này;
- Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng Cổ đông;
- Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng yêu cầu;
- Giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;
- Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
- Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị; và

- Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác (A) không dành cho Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị; hoặc (B) được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và nói chung thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;

- Ngoài các chức danh trong Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trở lên thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, trả lương, thưởng và các quyền lợi khác cho các chức danh còn lại trong Công ty;

- Phê duyệt và ban hành chính sách nội bộ của Công ty, các quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh và công việc hàng ngày của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau: Quy trình đầu tư; Định mức chi tiêu cho cán bộ, nhân viên trong Công ty; Quy định về chính sách nhân sự, bao gồm các quy định về việc tuyển dụng, đào tạo và các vấn đề quản lý và phát triển nhân lực của Công ty.

(f) Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định ghi rõ trong hợp đồng lao động.

(g) Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc với 2/3 (hai phần ba) số Thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Giám đốc và Công ty. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo.

(h) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khi có yêu cầu.

(i) Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty, Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 31. CÁC PHÓ GIÁM ĐỐC

(a) Phó Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Giám đốc Công ty và Hội đồng Quản trị. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị miễn nhiệm trước thời hạn.

(b) Phó Giám đốc phụ trách nghiệp vụ của Công ty phải là người có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật hiện hành, có kiến thức chuyên ngành liên quan tới lĩnh vực kinh doanh của Công ty hoặc các chuyên ngành khác cần thiết cho hoạt động kinh doanh hay quản trị Công ty và/hoặc quản lý quỹ, có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Phó Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của pháp luật

(c) Phó Giám đốc Công ty có quyền điều hành những hoạt động kinh doanh thuộc trách nhiệm của mình theo nội dung nêu trong quyết định bổ nhiệm và những nội dung khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị hoặc những hoạt động khác theo sự ủy quyền của Giám đốc.

(d) Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một người trong số các Phó Giám đốc Công ty làm Phó Giám đốc Thứ nhất, là người sẽ thay mặt Giám đốc điều hành các công việc thuộc

phạm vi quyền hạn của Giám đốc và đại diện cho Công ty trước các cơ quan Nhà nước khi Giám đốc vắng mặt hay không có khả năng thực thi các quyền hạn của mình vì bất cứ lý do nào.

ĐIỀU 32. KẾ TOÁN TRƯỞNG

(a) Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Kế toán trưởng phải là người có kinh nghiệm, hiểu biết trong lĩnh vực tài chính kế toán, có sức khỏe và đạo đức tốt.

(b) Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo đội ngũ nhân viên phụ trách về các lĩnh vực gồm Kế toán và Quản lý Tài chính; phải giám sát các hoạt động Kế toán và Tài chính và quy định những chính sách liên quan đối với tất cả các vấn đề về quản lý tài chính, kế toán của Công ty, bảo đảm cho công tác tài chính – kế toán của Công ty được trôi chảy, lành mạnh, minh bạch, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán được áp dụng. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- Giám sát các hệ thống và công việc kế toán cần thiết cho việc duy trì sổ sách và giấy tờ kế toán của Công ty, việc thực hiện các khoản dự phòng và các quỹ hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị;
- Quản lý và cho ý kiến về việc sử dụng và chi tiêu tiền mặt và ngân quỹ của Công ty;
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các nguồn tiền mặt bằng ngoại tệ và tiền Đồng;
- Giám sát việc chuẩn bị các dữ liệu ngân sách cần thiết để lập ngân sách hàng năm;
- Giám sát hoạt động quản lý rủi ro;
- Lập và nộp tất cả các báo cáo tài chính theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;
- Bảo đảm việc lập và nộp các báo cáo hoạt động và tài chính một cách đúng hạn và chính xác;
- Đưa ra và giám sát quy trình kế toán cần thiết trong nội bộ Công ty, bao gồm cả các báo cáo tháng, quý và năm phải lập theo yêu cầu quản lý bao gồm các báo cáo tài chính truyền thống, các sổ sách ngân sách kèm theo phân tích các thay đổi, dự tính về luồng tiền mặt, báo cáo quản lý tiền mặt, các dự toán vãng lai được cập nhật của các kết quả hàng năm dự tính và bất kỳ báo cáo nào khác với bản chất đặc biệt phải lập theo yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của Công ty; và
- Giám sát việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích phát triển đội ngũ nhân viên phòng Tài chính - Kế toán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển; Phát triển và đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý nguồn nhân lực; Đề xuất chế độ phúc lợi và lợi ích cho nhân viên.

ĐIỀU 33. KHÔNG KIÊM NHIỆM

Một cá nhân trong công ty không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 34. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản Lý và sẽ báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

(a) Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra (A) sự tuân thủ của Hội đồng Quản trị theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, (B) sự tuân thủ của các Cán bộ Quản lý theo Pháp luật và theo các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc của Hội đồng Quản trị, và (C) hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản lý;
- Đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng Quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;
- Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của nhóm các cổ đông nắm giữ từ 10% Cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng;
- Thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc soạn thảo các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
- Thẩm định các Báo cáo Tài chính hàng năm, sáu tháng trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;
- Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, và các Cán bộ Quản lý;
- Giám sát những xung đột quyền lợi tiềm ẩn của các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản Lý, và các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên, kể cả việc sử dụng sai tài sản Công ty hoặc lạm dụng quyền hạn trong các Giao dịch với Bên có liên quan;
- Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;
- Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;
- Yêu cầu Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, và hoạt động của Công ty;
- Điều đặn thông báo cho Hội đồng Quản trị và Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty;
- Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, và trong hoạt động của Công ty;

- Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập (nếu có), mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc thuê tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết; và
- Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
- Giám sát các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, những người quản lý và các nhân viên trong Công ty;
- Tuân thủ các quy định về kiểm soát nội bộ của pháp luật hiện hành.

(b) Các quyết định của Ban Kiểm soát được đưa ra trên cơ sở được sự chấp thuận của hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Kiểm soát. Tuy nhiên thành viên nào không đồng ý với quyết định của các thành viên khác có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ý kiến của mình lên Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị trong phiên họp gần nhất của các cơ quan này để các cơ quan này xem xét và quyết định.

ĐIỀU 36. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- (a) Ban Kiểm soát sẽ có ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bổ nhiệm, và bãi nhiệm.
- (b) Thành viên Ban Kiểm soát sẽ được đề cử theo nguyên tắc Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử một (01) thành viên Ban Kiểm soát.
- (c) Thành viên Ban Kiểm soát sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông bầu lại. Khi bầu Ban Kiểm soát, yêu cầu cơ cấu thành phần cần có những người giỏi chuyên môn nghiệp vụ khác nhau như kế toán, quản lý kinh tế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
- (d) Thành viên Ban Kiểm soát không được là Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Bên đề cử thành viên đó không còn nắm giữ đủ số Cổ phần cần thiết để có thể đề cử một thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản b nêu trên;
 - Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - Thành viên đó vắng mặt liên tục trong ba (03) cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tiếp mà không được phép của Ban kiểm soát, trừ trường hợp bất khả kháng. Khi đó, Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị tạm thời bổ nhiệm người khác thay thế, thành viên mới

phải được Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập ngay sau đó chấp thuận. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(e) Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- (i) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- (ii) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo cho các thành viên của Ban Kiểm soát;
- (iii) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.

(f) Mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Hội đồng Quản trị đề xuất, Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức chi phí đi lại, ăn, ở... cho các thành viên Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

(g) Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (quy chế cần nêu rõ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ cụ thể, chế độ làm việc, hội họp, báo cáo v.v...); khi cần thiết Ban kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị cho phép trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT

ĐIỀU 37. NGHĨA VỤ CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý, và thành viên Ban Kiểm soát phải:

- (a) Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- (b) Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- (c) Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:

- Thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
- Không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các Cán bộ Quản lý hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;

- Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

ĐIỀU 38. HIỆU LỰC CỦA MỘT SỐ HỢP ĐỒNG

38.1. Giao dịch với người có liên quan

38.1.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp 2020.

38.1.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 38.1.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

38.1.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 38.1.2 Điều này;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

38.1.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 38.1.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

38.2. Quyền biểu quyết của các bên có quyền lợi liên quan

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong Hợp đồng, Giao dịch với người có liên quan, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với người có liên quan này tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Cuộc họp Hội đồng Quản trị.

38.3. Công khai Các Xung đột lợi ích

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, Thành viên Ban Kiểm soát, và các Cổ đông phải công khai với Hội đồng Quản trị cách thức và phạm vi mà các quyền lợi cá nhân đáng kể có thể ảnh hưởng đến ý kiến của họ về bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào của Công ty mà họ sẽ phải bỏ phiếu biểu quyết.

38.4. Không Tuân thủ Quy định

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 38 Điều lệ này sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty, và trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà Người đó nhận được từ Giao dịch với người có liên quan tương ứng.

ĐIỀU 39. TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN CÁC CHI PHÍ

Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, hoặc Cán bộ Quản lý nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị và tuân thủ Pháp luật.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU 40. CON DẤU

Con dấu sẽ được làm và Công ty chịu trách nhiệm quản lý con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu theo đúng quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 41. LAO ĐỘNG

41.1. Người lao động

(a) Hàng năm, Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Giám đốc phải thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động như: chế độ nghỉ phép, chế độ khen thưởng được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có) đối với người lao động để trình Hội đồng Quản trị thông qua và tổ chức thực hiện. Các nhân viên thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép của Công ty phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

(b) Hội đồng Quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương, Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty.

41.2. Công đoàn

Nhân viên của Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị-xã hội khác theo quy định của Pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 42. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

(a) Phụ thuộc vào khoản (b) của Điều này, Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài ngoài lãnh thổ Việt Nam.

(b) Trong trường hợp mở tài khoản cho các quỹ mà Công ty quản lý, Công ty phải tuân thủ Điều lệ quỹ có liên quan và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ.

ĐIỀU 43. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

43.1. Hệ thống Kế toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam và/hoặc bất kỳ hệ thống kế toán khác được Pháp luật cho phép.

43.2. Năm Tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

43.3. Tài khoản và Chứng từ Kế toán

(a) Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng theo đúng quy định của pháp luật. Tất cả các chứng từ kế toán, hoá đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính phải được Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và Kế toán trưởng phê chuẩn và ký tên theo phân định về thẩm quyền.

(b) Trong hai tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Công ty phải soạn thảo báo cáo tài chính hàng năm cho năm tài chính trước đó, bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty, bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính để lưu giữ và trình lên Đại hội đồng Cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đồng ý (*Báo cáo Tài chính*).

(c) Trong thời hạn 90 ngày, hoặc trong thời hạn mà Luật pháp cho phép, kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải gửi Báo cáo Tài chính đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế, Cơ quan Đăng ký Kinh doanh và các Cơ quan Nhà nước khác mà Luật pháp yêu cầu.

(d) Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo các báo cáo tài chính chưa tổng hợp bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng Quản trị trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc của mỗi quý tài chính.

(e) Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định theo Đa số phiếu tuyệt đối thuê một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt

động kiểm toán Công ty trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

(f) Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp kiểm toán viên để thảo luận về các Báo cáo Tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.

(g) Mỗi Cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền chọn thuê kiểm toán viên để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa tổng hợp và/hoặc các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào và với chi phí do Cổ đông đó tự chi trả.

(h) Trong trường hợp Hội đồng Quản trị yêu cầu, Công ty vào từng thời điểm sẽ tự mình hay thuê một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá lại tài sản của Công ty để làm căn cứ cho việc xác định giá trị cổ phiếu của Công ty hay phục vụ các mục đích khác do Hội đồng Quản trị đề ra.

(i) Các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát có quyền xem xét các tài khoản kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

ĐIỀU 44. CỔ TỨC

44.1. Công bố việc chi trả cổ tức

(a) Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện (i) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng Quản trị đề nghị, (ii) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi rõ trong Báo cáo Tài chính, (iii) Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó, (iv) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, và (v) Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.

(b) Hàng năm, Công ty trả cổ tức một lần. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông quyết định thanh toán trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lãi của Công ty.

(c) Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo cổ phần hoặc các điều khoản phát hành Cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những Cổ phiếu chưa được thanh toán hết tiền mua Cổ phần cho đến thời điểm chi trả cổ tức) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua Cổ phiếu đó cho đến thời điểm chi trả cổ tức.

(d) Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng tiền Đồng hoặc bằng cổ phiếu hay các phương thức khác. Căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức.

(e) Trong trường hợp thanh toán cổ tức bằng tiền, cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông chi trả cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức. Việc thanh toán cổ tức bằng phương thức khác (như chia bằng cổ phiếu) sẽ tuân theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

(f) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.

(g) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.

(h) Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (bao gồm cả cổ phiếu, trái phiếu do Công ty hoặc công ty khác phát hành v.v...) nếu được Cổ đông có cổ tức chấp thuận.

(i) Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ để xác định Cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phần khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó thực hiện. Quy định trên không ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc cổ phần liên quan.

44.2. Không tính lãi đối với cổ tức chưa thanh toán

Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

44.3. Cổ tức không yêu cầu thanh toán

Tất cả các cổ tức mà cổ đông không yêu cầu thanh toán sẽ được Công ty giữ lại cho đến khi được yêu cầu thanh toán.

ĐIỀU 45. QUỸ DỰ TRỮ

(a) Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm:

- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ phúc lợi và khen thưởng;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;

Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.

(b) Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

ĐIỀU 46. XỬ LÝ KINH DOANH THUA LỖ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định giải quyết việc thua lỗ theo các giải pháp sau:

- (a) Trích từ quỹ dự trữ tài chính để bù lỗ.
- (b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.
- (c) Các biện pháp khác mà pháp luật cho phép hoặc không cấm.

CHƯƠNG XII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG TIN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

ĐIỀU 47. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

(a) Công ty quản lý quỹ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ về hoạt động của công ty như sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động tháng /năm của công ty quản lý quỹ với các nội dung theo mẫu tại phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hoặc bất kỳ văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi bổ sung tương ứng;
- Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm. Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm phải được soát xét và kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;
- Báo cáo tháng về tình hình quản lý danh mục đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số VII ban hành kèm theo Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hoặc bất kỳ văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi bổ sung tương ứng;
- Báo cáo tài chính của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về kế toán đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

(b) Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước những sự kiện sau:

- Thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị. Thông báo về việc thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự phải kèm theo Nghị quyết hoặc quyết định bầu, miễn nhiệm, thay đổi và các tài liệu hợp lệ khác đảm bảo thành viên HĐQT mới đáp ứng các quy định tại Điều lệ công ty, quy định của pháp luật.
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; Báo cáo gửi kèm bản sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.
- Hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của cổ đông của công ty quản lý quỹ, trừ trường hợp cổ phiếu của công ty quản lý quỹ đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và gửi kèm bản sao hợp lệ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa các bên tham gia giao dịch. Trường hợp công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng, nếu việc chuyển nhượng dẫn đến bên nhận chuyển nhượng

sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty quản lý quỹ thì bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện theo quy định pháp luật về chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng;

- Các sự kiện có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động quản lý tài sản ủy thác.
- (c) Thời hạn nộp các báo cáo quy định tại điểm (a) Điều này:
 - Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng đối với các báo cáo tháng;
 - Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với các báo cáo quý;
 - Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm đối với báo cáo tài chính bán niên;
 - Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với báo cáo năm.

(d) Thời hạn thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các sự kiện nêu tại khoản (b) Điều này là ba (03) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện đó.

Trong những trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của người đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Quỹ hoặc của Công ty quản lý quỹ.

ĐIỀU 48. CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của công ty để nhà đầu tư tham khảo:
 - a) Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, bản cáo bạch;
 - b) Báo cáo tháng gần nhất và báo cáo năm của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong năm (05) năm gần nhất;
 - c) Bản đánh giá mới nhất về tổng giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - d) Các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch.
 - e) Đối với nhà đầu tư ủy thác: Hợp đồng quản lý đầu tư với các thông tin cần thiết phải có trong hợp đồng.
3. Thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.
4. Định kỳ hàng tháng, Công ty phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 91/2020/TT- BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính hoặc bất kỳ văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi bổ sung

tương ứng. Báo cáo phải được gửi kèm tệp thông tin điện tử trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng

Công ty phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên đã soát xét và năm đã kiểm toán. Các báo cáo này phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước và công bố cùng với thời điểm công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.

ĐIỀU 49. QUY ĐỊNH BẢO MẬT

49.1. Định nghĩa Thông tin Mật

Theo mục đích của Điều này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các thành viên Ban Kiểm soát, các Cán bộ Quản lý, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ bên thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- (a) Điều lệ này, Giấy Phép Hoạt Động, Sổ Đăng ký Cổ đông và Sổ Biên bản, và bất kỳ một Văn bản Chấp Thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (b) Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- (c) Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp, và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- (d) Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- (e) Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính hàng năm, và các tài liệu kế toán khác;
- (f) Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông, hoặc quan hệ sở hữu cổ phần qua lại, hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; và bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- (g) Thông tin về các Thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý, thành viên Ban Kiểm soát bao gồm năng lực, kinh nghiệm, và mức thù lao;
- (h) Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- (i) Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng; và
- (j) Tất cả các thông tin và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến các quỹ mà Công ty có thể sẽ thành lập và quản lý theo từng thời điểm, bao gồm, nhưng không hạn chế, danh sách các nhà đầu tư, danh mục đầu tư, chiến lược đầu tư, các giao dịch được tiến hành.

49.2. Tiết lộ Thông tin Mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng Quản trị, không một ai trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, Thành viên Ban Kiểm soát, các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin Mật của Công ty, ngoại trừ:

- (a) Với các công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
- (b) Với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- (c) Với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin Mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- (d) Khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của trọng tài hoặc của tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- (e) Những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không bởi hành vi vi phạm các quy định của Điều này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như thông tin phục vụ cho bán hàng và marketing.

ĐIỀU 50. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

- (a) Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng đều có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty về danh sách các Cổ đông, các biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.
- (b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các Cán bộ Quản lý có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký Cổ đông, Danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- (c) Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- (d) Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XIII

THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 51. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

51.1. Chấm dứt hoạt động

Phụ thuộc vào quy định cụ thể của Pháp luật theo từng thời điểm, Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- (a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật;
- (b) Công ty giải thể theo quy định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- (c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến Cơ quan Nhà nước để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

51.2. Trường hợp bất đồng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông

Trong phạm vi Pháp luật cho phép, các Cổ đông nắm giữ một nửa tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các trường hợp sau:

- (a) Các Thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất được trong việc quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.
- (b) Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu Thành viên Hội đồng Quản trị.
- (c) Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

51.3. Thanh lý

(a) Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm sáu (06) thành viên. Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

(b) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan Đăng ký Kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các Cơ quan Nhà nước.

(c) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- Các chi phí thanh lý;
- Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên;
- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- Các khoản vay (nếu có);
- Các khoản nợ khác của Công ty;

- Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông.

ĐIỀU 52. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

52.1. Giải quyết tranh chấp

(a) Tranh chấp (i) giữa (các) Cổ đông với Công ty, (ii) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, (iii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, (iv) giữa (các) Cổ đông với (các) Cán bộ Quản lý, hoặc (v) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát (vi) giữa Công ty với nhà đầu tư, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp Tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu Tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì hai bên chỉ định một người thứ ba hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết Tranh chấp.

(b) Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu hòa giải, hoặc nếu, quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, thì bất cứ một bên nào cũng có thể đưa Tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

(c) Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải. Chi phí, lệ phí toà án của các bên sẽ do Tòa án phán quyết.

52.2. Duy trì hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

CHƯƠNG XIV

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 53. THÔNG BÁO

(a) Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tin, hoặc bằng fax (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

(b) Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau tám ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư và hai ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng điện tin, fax hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.

(c) Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký Cổ đông và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.

(d) Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ kịp thời điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.

ĐIỀU 54. CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ

54.1. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều lệ chỉ có thể bổ sung, sửa đổi khi Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và, trong trường hợp Pháp luật yêu cầu, khi Cơ quan Nhà nước có liên quan chấp thuận hoặc đăng ký.

Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được tuân theo các quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp.

54.2. Pháp luật ban hành sau

Nếu có bất kỳ quy định Pháp luật nào thuận lợi hơn cho Công ty ban hành sau ngày cấp Giấy phép hoạt động cho Công ty, thì quy định đó được áp dụng như thể chúng được đưa vào Điều lệ.

54.3. Các Điều khoản không hợp pháp, không hiệu lực, không có khả năng thực thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết (một cách chính thức hoặc không chính thức) rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực, hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

54.4. Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước

Bất kỳ mọi nghĩa vụ xin cấp Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, đều có giá trị hiệu lực chỉ khi Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

54.5. Tính tích lũy và không loại trừ của các quyền

Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp chế tài trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp chế tài nào do Pháp luật quy định.

ĐIỀU 55. NGÀY HIỆU LỰC

Bản Điều lệ này được đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 177/NQ-QLQ-ĐHCD ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam và được các Cổ đông nhất trí thông qua.

Bản Điều lệ được sửa đổi, bổ sung này sẽ có hiệu lực từ ngày 26 tháng 04 năm 2022 và thay thế các Bản Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua trước đây.

Bản Điều lệ này được lập thành 4 (bốn) bản có giá trị ngang nhau.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *Sign*



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Vinh

PHỤ LỤC ĐỊNH NGHĨA

Ban Kiểm soát nghĩa là ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Báo cáo Tài chính được định nghĩa như tại Điều 43;

Bảng văn bản có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết;

Cán bộ Quản lý có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng, Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty;

Công ty có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam được thành lập và hoạt động theo Điều lệ này;

Cổ đông có nghĩa là cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này;

Cổ đông Sáng lập là Cổ đông khởi xướng việc soạn thảo Điều lệ này để thành lập Công ty được quy định trong Điều 10.4 của Điều lệ này;

Cổ phần Phổ thông có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này;

Cơ quan Đăng ký Kinh doanh có nghĩa là Ủy ban chứng khoán nhà nước hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;

Cơ quan Nhà Nước có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính Phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các cơ quan, các sở trực thuộc, và bất kỳ hoặc tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, sở ban ngành, cơ quan hoặc viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này;

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường nghĩa là cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc Họp Thường Niên, được triệu tập theo quy định của Điều 14.2;

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại hội đồng Cổ đông theo Điều 14.1;

Đa số phiếu thường có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện trên 50 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

Đa số phiếu tuyệt đối có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông;

Đại hội đồng Cổ đông nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Điều lệ nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;

Giao dịch với người có liên quan có nghĩa là giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Người có liên quan được định nghĩa tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019;

Giấy phép hoạt động nghĩa là giấy phép hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm;

Hội đồng Quản trị nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty được bổ nhiệm, và có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này;

Năm có nghĩa là năm dương lịch (để phân biệt với năm tài chính và những khái niệm thời gian khác);

Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, Cán bộ Quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty;

Pháp luật nghĩa là Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty;

Sổ Biên bản có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Cuộc họp Hội đồng Quản trị;

Sổ Đăng ký Cổ đông có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 10.7;

Tháng nghĩa là tháng theo dương lịch;

Thông tin Mật được định nghĩa như tại Điều 49.1 ;

Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

Vốn Điều lệ nghĩa là số vốn điều lệ của Công ty được đề cập đến tại Điều 9.1 của Điều lệ này;

Việt Nam có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; và

VND hoặc Đồng có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt nam.